TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GL THÀNH PHỐ HN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **112**/2023/HSST
Ngày: 06/07/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GL, THÀNH PHỐ HN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân 1) Bà Nguyễn Thị Hà

2) Bà Nguyễn Thị Chấn

- ***Thư ký ghi biên bản phiên Tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Đạt –Thư ký Tòa án nhân dân huyện GL, Thành phố HN.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện GL - Thành phố HN tham gia phiên tòa:*** Bà Tô Thị Thu Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GL, thành phố HN đã xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 112/2023/HSST, ngày 13 tháng 06 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 06 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NVT,** sinh năm 1993 tại NĐ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi ĐKHKTT: Xóm 1, thôn NH, xã NH, huyện NH, tỉnh NĐ. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông NHT, sinh năm 1954 và bà TTM, sinh năm 1961; Gia đình có sáu anh chị em, bị cáo là con thứ 5; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 000000196 lập ngày 28/3/2023 tại Công an huyện GL và lý lịch bị can thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 19/3/2023, đến ngày 28/3/2023 áp dụng biện pháp tạm giam. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố HN.

(Bị cáo có mặt)

- ***Người bị hại:*** Chị ĐTL, sinh năm 1977; Địa chỉ: TU, VH, ĐA, HN. Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị NTN, sinh năm 1990; Địa chỉ: DH, xã ĐĐ, huyện TD, tỉnh BN. Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 02/2023, NVT sử dụng tài khoản Facebook mang tên "TT" tìm kiếm việc làm trên mạng xã hội thì thấy tài khoản Facebook mang tên "ĐL" cũng đang tìm việc làm. T nhắn tin nói chuyện với chị L và bảo có thể tìm được việc làm gấp, là quần áo tại khu vực chợ NH, GL, HN cho chị L thì chị L đồng ý. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 26/02/2023, NVT hẹn gặp chị ĐTL tại khu vực CC, NH, GL để tìm việc làm nhưng không tìm được. Đến ngày 28/02/2023, T tiếp tục nhắn tin hẹn gặp chị L đi tìm việc làm. Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 01/3/2023, khi T đang đứng chờ tại khu vực ngã tư gần cột đồng hồ, TS, BN thì chị L đi xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đen bạc BKS: 29S1-120.21 đến gặp T. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy trên của chị L mục đích bán lấy tiền tiêu sài cá nhân nên nói với chị L về việc T sẽ điều khiển xe máy chở chị L đi tìm việc làm, chị L đồng ý. T điều khiển xe máy chở chị L đi chơi, ăn uống và cùng vào nhà nghỉ tại TS, BN để nghỉ trưa, sau đó T tiếp tục điều khiển xe máy chở chị L đi chơi nhiều nơi để tìm cơ hội chị L sơ hở sẽ chiếm đoạt chiếc xe. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, NVT điều khiển xe máy chở chị L đến khu vực đê thuộc địa phận xã TM, GL thì T dừng xe, bảo chị L xuống xe đứng đợi để T đi vệ sinh. Khi chị L vừa xuống xe đứng cách T khoảng 2m thì T không đi vệ sinh mà bất ngờ quay đầu xe, nổ máy để phóng xe đi. Chị L dùng tay bám giữ vào thanh kim loại phía đuôi xe và chạy theo, tri hô nhưng NVT vẫn tăng ga điều khiển xe máy bỏ chạy nên chị L bị tuột tay khỏi chiếc xe. Sau khi chiếm đoạt được tài sản của chị L, T điều khiển chiếc xe máy trên đến tỉnh QN để chơi và tìm chỗ bán xe nhưng không bán được. Khoảng 4 ngày sau, NVT đi xe máy của chị L đến bán cho chị NTN - Sinh: 1990, trú tại: thôn DH, xã ĐĐ, huyện TD, tỉnh BN được số tiền 2.800.000 đồng, T đã tiêu sài cá nhân hết.

Hồi 14 giờ 30 phút ngày 18/3/2023, Công an xã TM, GL, HN tiếp nhận đơn trình báo của chị ĐTL - Sinh: 1977, trú tại: TU, VH, ĐA, HN về việc: Ngày 01/3/2023, tại khu vực đường đê thuộc địa phận xã TM, GL, chị L bị một đối tượng nam thanh niên chiếm đoạt 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đen bạc, đeo BKS: 29S1-120.21. Đến hồi 17 giờ 30 phút cùng ngày 18/3/2023, NVT đến Công an xã TM đầu thú về hành vi cướp giật chiếc xe máy trên của chị ĐTL.

Ngày 19/3/2023, Cơ quan Công an đã thân dẫn NVT chỉ vị trí bán chiếc xe Honda Airblade màu đen bạc, đeo BKS: 29S1-120.21 tại cửa hàng kinh doanh xe

máy "QN" của chị NTN - Sinh: 1990, địa chỉ: thôn DH, xã ĐĐ, huyện TD, tỉnh BN.

Vật chứng thu giữ của bị can NVT: 01 điện thoại Iphone 6 plus màu trắng vàng; dung lượng 16GB, cũ đã qua sử dụng; số Imei: 354384061850608.

Vật chứng thu giữ của chị NTN: 01 xe mô tô kiểu dáng Honda Airblade màu đen bạc đeo BKS: 29S1-120.21 đã qua sử dụng, số khung: 149940, số máy: 0972587.

Tại Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐGTS ngày 24/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện GL kết luận: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đen bạc, BKS: 29S1-120.21, có số khung: 149940, số máy: 0972587, mua năm 2011, xe đã qua sử dụng trị giá **19.000.000 đồng**.

Tại bản cáo trạng số 115/CT-VKSGL ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện GL đã truy tố bị cáo NVT phạm tội "Cướp giật tài sản" theo khoản 1 điều 171 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi mà bị cáo đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GL sau khi tóm tắt nội dung sự việc, đánh giá lời khai của bị cáo tại phiên tòa; lời khai của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung bản cáo trạng; trình bầy lời luận tội và đề nghị như sau:

Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt NVT từ 20 đến 26 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt ngày 19/3/2023.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có thu nhập ổn định.

Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị NTN không yêu cầu bị cáo NVT trả lại số tiền 2.800.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tang vật: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo 01(một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng vàng, dung lượng 16GB, số IMEI 354384061850608, đã qua sử dụng. Không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo NVT sau khi nghe quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện GL, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản và đã nhận

thức được hành vi đó là sai, vi phạm pháp luật. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra -Công an huyện GL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện GL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được tống đạt hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin được xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về hành vi của bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thu thập được, đủ cơ sở kết luận:

Hồi 17 giờ 30 phút ngày 01/03/2023, tại khu vực đê TM, GL, HN, bị cáo NVT đã có hành vi cướp giật chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đen bạc, BKS: 29S1-120.21 có giá trị 19.000.000 đồng của chị ĐTL.

[2.2] Xét thấy, bị cáo NVT đã có hành vi chủ động tạo ra sơ hở của chủ xe máy là chị L, ngay tức khắc chiếm đoạt chiếc xe máy của chị L và nhanh chóng tẩu thoát.

Hành vi phạm tội lần này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện GL truy tố bị cáo về tội "Cướp giật tài sản", là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội ở địa phương. Do đó hành vi vi phạm của bị cáo cần phải nghiêm trị.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi lượng hình Hội đồng xét xử đã xem xét: Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đến cơ quan Công an để đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5].Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đã viện dẫn, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Bị cáo không có thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về dân sự: Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đen bạc, BKS: 29S1-120.21 của chị ĐTL. Ngày 08/6/2023, Cơ quan CSĐT – Công an huyện GL đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho chị ĐTL, chị L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự nên không đặt vấn đề giải quyết.

Đối với số tiền 2.800.000 đồng: Dù đã được Tòa án giải thích quyền được đòi lại tài sản nhưng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị NTN không yêu cầu bị cáo NVT trả lại số tiền 2.800.000 đồng là số tiền chị N đã đưa cho bị cáo khi mua chiếc xe máy mà bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7]. Xử lý vật chứng.

Trả lại cho bị cáo: 01(một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng vàng, dung lượng 16GB, số IMEI 354384061850608, đã qua sử dụng. Không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo NVT phạm tội "Cướp giật tài sản"

1. Áp dụng khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự; Điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38 và Điều 47 của Bộ luật hình sự. Áp dụng các Điều 106, 135, 136, 299, 326, 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật T hành án.

Xử phạt: NVT 24 (hai mươn bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 3 năm 2023.

2. Về dân sự: Không.

3. Xử lý vật chứng:

Trả lại bị cáo NVT 01 (một) điện thoại Iphone 6 Plus màu trắng vàng; dung lượng 16GB, cũ đã qua sử dụng, số Imei: 354384061850608. Hiện đang lưu tại Chi cục T hành án dân sự huyện GL theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/6/2023.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
-UBND xã/phường nơi bị cáo cư trú (thay Thông báo KQXX)
- VKSND huyện GL;
- Công an huyện GL
- TAND Thành phố HN,
- VKSND TP HN;
- Phòng quản lý hồ sơ nghiệp vụ Công An TP HN;
- Chi Cục T hành án dân sự huyện GL
- Sở Tư Pháp thành phố HN
- Lưu VP,THAHS,HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Ngọc